

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 01 - 2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân,

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Thùy và bà Ngô Thị Tân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Mỹ Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Phan Bảo Cường, Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 91/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ C, ấp P, xã P, huyện L, thành phố B - V, tỉnh Vũng Tàu, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. **Bị đơn:** Anh Phan Trung K, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 15 tháng 7 năm 2023 được bổ sung tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Phan Trung K tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, thành phố B - V vào ngày 11-6-2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian đến đầu năm 2029 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau khiến tình cảm vợ chồng không còn như trước. Sau đó từ giữa năm 2019, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai; sau nhiều lần hàn gắn tình cảm cuộc sống vợ chồng nhưng không có chuyển biến. Nay, Chị xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Vợ chồng Chị có một con chung tên Phan Nguyễn Quang S, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2018, hiện nay đang sống chung cùng anh K. Nếu Tòa án giải

quyết cho vợ chồng ly hôn, Chị có nguyện vọng giao con cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng, Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng Chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 14 tháng 11 năm 2023, bị đơn anh Phan Trung K trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, thành phố B - V vào ngày 11-6-2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng làm ăn sinh sống tại B - V và ở nhà bố mẹ chị T được một thời gian thì thuê nhà ra ở riêng. Vợ chồng sống chung hạnh phúc, hòa thuận không có mâu thuẫn gì, Anh không biết lý do tại sao chị T lại làm đơn xin ly hôn Anh. Tháng 5/2023, chị T đi xuất khẩu lao động tại Nhật, tiền học và phí xuất khẩu của chị T đều do Anh lo hết; sau khi chị T đi, Anh đưa con về sống cùng ông bà nội. Quá trình chị T đi xuất khẩu lao động, chị T thường xuyên liên lạc về với con chứ không trao đổi chuyện vợ chồng với Anh. Hiện tại, chị T xin ly hôn Anh không nhất trí vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì, còn nếu chị T muốn ly hôn thì phải về gặp bố mẹ Anh để gia đình biết lý do vì sao chị T lại xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng Anh có một con chung tên Phan Nguyễn Quang S, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2018, hiện đang sống chung cùng Anh. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, Anh có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng Anh không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện từ thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định tại các điều 39, 48, 49, 68, 93, 95, 96, 97, 195, 196, 203, 204, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 53, 54 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đương sự chấp hành pháp luật đúng quy định tại các điều 68, 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị T được ly hôn anh Phan Trung K. Về con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao con Phan Nguyễn Quang S, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2018 cho anh Phan Trung K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; buộc chị Nguyễn Thị T phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 01/2024 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về tài sản chung: Chị T, anh K thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phan Trung K có địa chỉ tại thôn H, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn, tranh

chấp về nuôi con” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phan Trung K vắng mặt lần thứ hai, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phan Trung K lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy hôn nhân của Anh, Chị là hợp pháp. Theo chị T trình bày: Quá trình sống chung, vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, sau nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng tình trạng vợ chồng không cải thiện được, vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai; anh K cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên chị T xin ly hôn Anh không đồng ý. Tuy nhiên, Tòa án đã triệu tập anh K nhiều lần để vận động, hòa giải vợ chồng đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng anh K đều không có mặt; điều đó chứng tỏ anh K không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng mà chỉ muốn kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phan Trung K thống nhất vợ chồng có một đứa con chung tên Phan Nguyễn Quang S, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2018, hiện nay đang sống cùng anh K. Anh K có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, chị T đồng ý giao con cho anh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, cháu S sống chung với anh K từ năm 2019 đến nay đã ổn định, chị T thỏa thuận giao con cho anh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp cần chấp nhận.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phan Trung K thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử lý cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phan Trung K.

2. Về nuôi con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử giao con Phan Nguyễn Quang S, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2018 cho anh Phan Trung K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; buộc chị Nguyễn Thị T phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 01/2024 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Số tiền án phí ly hôn chị T phải nộp được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Quảng Ninh theo biên lai số 31AA/2021/0004161, ngày 11 tháng 10 năm 2023.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Phan Trung K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

6. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã P, huyện L, thành phố B - V;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ'
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**